

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2026/HS-ST**

Ngày 16 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Mạnh Huy

Ông Đinh Văn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 106/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thu H, sinh năm 1985 tại tỉnh Nam Định (Cũ); số CCCD: 036185011567 cấp ngày 03/01/2025, nơi cấp: cục C3 về TTXH; nơi cư trú: số B đường P, thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; bị cáo là Đảng viên Đ1 đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Phạm Xuân C và bà Phạm Thị H1; có chồng là Trần Văn Q và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Trần Đức H2, sinh năm 1971 tại tỉnh Nam Định (Cũ); số CCCD: 036071001370 cấp ngày 26/2/2021, nơi cấp: cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nơi cư trú: số E đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông Trần Thiện N và bà Trần Thị S, bị cáo có vợ là Đỗ Thị Mai H3 là có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2010. tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 300.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Đã thi hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự, đã được xóa án tích.

Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 tại tỉnh Nghệ An; số CCCD: 040086000821 cấp ngày 14/4/2023, nơi cấp: cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nơi ĐKNKTT: Căn hộ A2501, tháp A; TDP G, phường T, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: ngõ A đường Đ, khu Đô thị X, phố V, phường H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Sỹ C1 và bà Trần Thị Đ, có vợ là Nguyễn Thị Giang C2 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013 con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị Mai H4, sinh năm 1987, địa chỉ A đường L, phường N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Bùi T1, sinh năm 1971, HKTT 6B, 2 tầng, số C, Khu tập thể Đ, phường N, tỉnh Ninh Bình, nơi ở hiện tại ngõ S, phố H, phường N, tỉnh Ninh Bình, là giám đốc công ty G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ xã hội, Phạm Thu H biết được nhiều chủ tàu thuyền, bến bãi vật liệu xây dựng, các tổ đội nhân công thi công công trình và các cửa hàng buôn bán vật tư, vật liệu xây dựng và nhiều công ty trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Ninh Bình cần mua hóa đơn để hợp thức hóa sổ hàng hóa, nguyên liệu đầu vào nên H đã nảy sinh ý định thành lập công ty để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn mục đích hưởng lợi. Từ năm 2017 đến năm 2023, H sử dụng giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân của người thân để đăng ký, thành lập 05 công ty gồm:

1. Công ty TNHH X (gọi tắt là công ty X), mã số thuế 0601130324, địa chỉ tại thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình), đứng tên giám đốc là Trần Thị H5, sinh năm 1960, trú tại Đội 1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình), ngành nghề kinh doanh chính là Xây dựng nhà các loại.

2. Công ty TNHH K1 (gọi tắt là công ty K1), mã số thuế 0601213242, địa chỉ tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình), đứng tên giám đốc là Phạm Thị V, sinh năm 1973, trú tại xóm C xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình), ngành nghề kinh doanh chính là Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

3. Công ty TNHH T7 (gọi tắt là công ty T7), mã số thuế 0601144119, địa chỉ tại thôn X, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình),

đứng tên giám đốc là Đới Thị H6, sinh năm 1970, trú tại Đội 3, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình), ngành nghề kinh doanh chính là Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

4. Công ty TNHH K2 (gọi tắt là công ty K2), mã số thuế 0601172500, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình), đứng tên giám đốc là ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1973, trú tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình), ngành nghề kinh doanh chính là Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

5. Công ty TNHH D3 (gọi tắt là công ty D3), mã số thuế 0601185595, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình), đứng tên giám đốc là ông Nguyễn Quý D, sinh năm 1997, trú tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình), ngành nghề kinh doanh chính là Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Sau khi thành lập, Công ty X, B, N, Thành T2, N, thực chất không có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký. Người đứng tên giám đốc công ty không đăng ký thành lập công ty, không biết, không tham gia điều hành và không ký vào hồ sơ, chứng từ của công ty. Tất cả các công ty trên đều do Phạm Thu H tự đăng ký, thành lập công ty, điều hành để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn với nhiều cá nhân, công ty trong và ngoài tỉnh Ninh Bình. Hành vi, cách thức giao dịch mua bán hóa đơn giữa Phạm Thu H với các đối tượng trung gian (không xác định được nhân thân, lai lịch), giám đốc, kế toán công ty được thực hiện như sau:

Khi có người mua liên hệ (qua cuộc gọi, zalo, telegram), H trao đổi thỏa thuận với người mua giá cả mua bán hóa đơn bằng từ 4,5% đến 6,3% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế (giá bán hóa đơn H thống nhất với người mua vào từng thời điểm cụ thể). Người mua gửi thông tin hóa đơn gồm: Thông tin công ty, loại hàng hóa, dịch vụ, số tiền trước thuế, số tiền thuế, sau đó H lập không hóa đơn không có hàng hóa dịch vụ kèm theo, ký tên và đóng dấu công ty (đối với hóa đơn giấy) chuyển lại cho người mua hoặc xuất hóa đơn điện tử trên hệ thống của T8. Người mua lập không hợp đồng kinh tế, các biên bản giao nhận, chuyển cho H bằng đường bưu điện hoặc xe khách hai bản, H ký chữ tên giám đốc và đóng dấu công ty, sau đó H giữ lại một bản còn một bản chuyển trả lại cho người mua.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền mua bán hàng hóa, dịch vụ, H thống nhất với người mua: H đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản cho người mua nộp tiền vào tài khoản công ty mua, chuyển khoản thanh toán đến tài khoản các công ty của H, sau đó H rút tiền mặt. Trường hợp công ty mua hóa đơn tự chuyển tiền thanh toán đến tài khoản các công ty của H, H rút tiền, giữ lại tiền bán hóa đơn, trả lại cho người mua bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào các tài khoản do người mua cung cấp. Tiền bán hóa đơn thì người mua trả tiền mặt cho H hoặc H tự đối trừ giữ lại số tiền bán hóa đơn khi công ty mua chuyển tiền thanh toán.

Từ các nguyên tắc, cách thức mua bán hóa đơn như trên, trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2023, Phạm Thu H bán trái phép 738 hóa đơn (584 hóa đơn điện tử và 154 hóa đơn giấy) của công ty X, N, Thành T2, N, Bảo K cho 104 cá nhân, công ty trong và ngoài địa bàn tỉnh Ninh Bình, với tổng số tiền ghi trên hóa đơn trước thuế là 1.457.932.853.907 đồng, tổng tiền thuế là 141.537.074.175 đồng. H bán hóa đơn cho người mua với giá bằng từ 4,5% đến 6,3% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế.

Cụ thể Phạm Thu H bán cho: Công ty cổ phần D4 08 hóa đơn; Công ty TNHH H9 19 hóa đơn; Công ty TNHH Đ2 01 hóa đơn; Công ty TNHH MTV T9 04 hóa đơn; Công ty Cổ phần C4 01 hóa đơn; Công ty TNHH X1 07 hóa đơn; Công ty TNHH X2 04 hóa đơn; Công ty TNHH X3 01 hóa đơn; Công ty TNHH T10 02 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ3 21 hóa đơn; Công ty TNHH X4 24 hóa đơn; Công ty TNHH X5 04 hóa đơn; Công ty TNHH X6 68 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ4 17 hóa đơn; Công ty TNHH T11 36 hóa đơn; Công ty Cổ phần X7 01 hóa đơn; Công ty TNHH MTV T9 và công ty TNHH MTV T9 13 hóa đơn; Công ty TNHH S1 09 hóa đơn; Công ty Cổ phần D4 02 hóa đơn, Doanh nghiệp tư nhân T12 10 hóa đơn; Công ty TNHH Đ5 03 hóa đơn; Công ty Cổ phần T9 04 hóa đơn; Công ty Cổ phần T13 04 hóa đơn; Công ty Cổ phần P1 07 hóa đơn; Công ty TNHH X8 06 hóa đơn; Công ty TNHH T14 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần T15 03 hóa đơn; Công ty Cổ phần T16 02 hóa đơn; Công ty Cổ phần C5 05 hóa đơn; Công ty Cổ phần C6 11 hóa đơn; Công ty Cổ phần X9 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ6 02 hóa đơn; Công ty TNHH T17 02 hóa đơn; Liên đoàn địa chất và khoáng sản B1 05 hóa đơn; Công ty TNHH Đ7 mở 10 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ8 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ9 03 hóa đơn; Công ty Cổ phần T18 mua 03 hóa đơn; Công ty TNHH T19 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ10 01 hóa đơn; Công ty TNHH T20 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ11 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị thành phố G 06 hóa đơn; Công ty TNHH X10 05 hóa đơn; Công ty Cổ phần X11 18 hóa đơn; Công ty TNHH T21 02 hóa đơn; Công ty TNHH T22 mua 10 hóa đơn; Công ty TNHH X12 01 hóa đơn; Công ty TNHH X13 03 hóa đơn; Công ty TNHH X3 02 hóa đơn; Doanh nghiệp tư nhân T23 15 hóa đơn; Công ty Cổ phần L2 03 hóa đơn; Công ty Cổ phần D4 02 công ty; Bảo hiểm hàng không N4 7 hóa đơn; Công ty Cổ phần B2 03 hóa đơn; Công ty TNHH S2 02 hóa đơn; Công ty Cổ phần A 13 hóa đơn; Công ty Cổ phần C7 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần X9 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần K3 14 hóa đơn; Công ty Cổ phần K4 thông minh 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần G 05 hóa đơn; Công ty Cổ phần S3 02 hóa đơn; Công ty Cổ phần T24 02 hóa đơn; Công ty Cổ phần T25 08 hóa đơn; Công ty Cổ phần T7 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần T26 02 hóa đơn; Công ty Cổ phần Đ6 35 hóa đơn; Công ty Cổ phần X14 06 hóa đơn; Công ty Cổ phần X11 01 hóa đơn; Công ty Cổ phần X15 03 hóa đơn; Công ty Cổ phần X3 04 hóa đơn; Công ty Cổ phần X16 02 hóa đơn; Công ty TNHH Đ12 01 hóa đơn; Công ty TNHH Đ13 02 hóa đơn; Công ty TNHH Đ14 04 hóa đơn; Công ty TNHH Đ15 02 hóa đơn; Công ty TNHH X9 12 hóa đơn; Công ty TNHH MTV T9 05 hóa đơn; Công ty TNHH MTV T9 01 hóa đơn; Công ty TNHH MTV T9 04 hóa đơn; Công ty TNHH G

06 hóa đơn; Công ty TNHH P2 02 hóa đơn; Công ty TNHH T27 mua 02 hóa đơn; Công ty TNHH T28 61 hóa đơn; Công ty TNHH T29 02 hóa đơn; Công ty TNHH T30 05 hóa đơn; Công ty TNHH X13 02 hóa đơn; Công ty TNHH X17 08 hóa đơn; Công ty TNHH X18 02 hóa đơn; Công ty TNHH X4 07 hóa đơn; Công ty TNHH X19 05 hóa đơn; Công ty TNHH X9 01 hóa đơn; DNTN Nguyễn Văn T3 43 hóa đơn. Công ty TNHH MTV T9 (gồm: công ty T9, Toàn M) 54 hóa đơn.

Ngoài ra, Phạm Thu H còn thông qua Nguyễn Thanh T để bán hóa đơn cho công ty TNHH MTV T9 (gồm: Công ty T9, Công ty X20, Công ty T31). Cụ thể như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè với Nguyễn Thanh T từ trước, đầu năm 2021, Phạm Thu H liên hệ nhờ Nguyễn Thanh T môi giới, giới thiệu cho H công ty, khách hàng mua hóa đơn, H trả lợi nhuận cho T, T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Thanh T liên hệ trao đổi với Nguyễn Văn D1, sinh năm 1970, trú tại số A V, phường H, tỉnh Ninh Bình, là giám đốc công ty T9, T muốn giới thiệu người quen cấp hóa đơn đầu vào cho công ty T9, D1 đồng ý. Sau đó T cùng H đến nhà D1, T giới thiệu H là kế toán. Hai bên trao đổi, D1 yêu cầu công ty của H phải có vốn bản vật liệu xây dựng, máy móc để thể hiện công ty có hoạt động do công ty của D1 là doanh nghiệp lớn, khi có nhu cầu sẽ cho người chủ động liên hệ đề trao đổi, H đồng ý. Sau đó, D1 giao cho Vũ Thị Kim L, sinh ngày 05/9/1985, trú tại xóm E xã G, tỉnh Ninh Bình là kế toán trưởng của công ty T9 trực tiếp giao dịch mua hóa đơn với H và T. Sau đó, L chủ động liên hệ với H để trao đổi mua bán hóa đơn, thỏa thuận là bằng 6% giá trị hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế đối với hóa đơn thuế suất 8%; bằng 6% hoặc 6,3% giá trị ghi trên hóa đơn trước thuế với hóa đơn thuế suất 10%. Việc giao dịch thỏa thuận mua bán hóa đơn giữa H và L, T không trực tiếp tham gia, không biết cụ thể việc mua bán. Ngày 17/11/2021, H gọi điện thoại cho T đề cập đến việc gửi tiền trả công T môi giới mua bán hóa đơn giữa H và công ty T9, T đồng ý và nói với H tự tính toán, T không yêu cầu H trả bao nhiêu. Sau đó, H tự tính toán lợi nhuận và chuyển tiền từ tài khoản của H đến tài khoản ngân hàng V1 số 0611001956838 của T số tiền 61.800.000 đồng. Sau này, do việc làm ăn không thuận lợi nên H không chuyển tiền công môi giới cho T nữa. Từ năm 2021 đến năm 2023, H đã bán cho Vũ Thị Kim L 54 hóa đơn của công ty K1, công ty K2, công ty T7, với thông tin đơn vị mua hàng là công ty T9, công ty X20, công ty T31; tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 114.105.999.084 đồng, tổng tiền thuế là 9.919.669.432 đồng.

Ngoài bán hóa đơn của 05 Công ty do mình thành lập, Phạm Thu H còn mua tổng số 21 hóa đơn của các công ty khác sau đó bán lại cho công ty T9, công ty X20, công ty T31, cụ thể như sau:

- Phạm Thu H mua hóa đơn của Công ty TNHH K5 (công ty K5). Phạm Thu H và Vũ Thị Mai H4, sinh ngày 08/6/1987, địa chỉ A đường L, phường N, tỉnh Ninh Bình là bạn bè xã hội. Năm 2021, H có hỏi H4 có mối quan hệ mua hóa đơn ở thành phố Hà Nội thì giới thiệu giúp H. H4 hỏi và được giới thiệu và cho

số điện thoại, zalo của người bán hóa đơn tên N1 (không xác định được nhân thân, lai lịch). H4 hỏi giá cả được biết là bằng 4,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế. H4 thông báo cho H được H đồng ý. Khi có nhu cầu mua hóa đơn, H gửi thông tin công ty mua cho H4 gồm Công ty T9 và Công ty X20. H4 chuyển thông tin cho N1 để N1 xuất hóa đơn của công ty TNHH K6 H lập không hợp đồng kinh tế, các biên bản kèm theo hợp đồng, gửi cho H4, sau đó N1 cho xe ôm hẹn gặp H4 lấy tại thành phố N. N1 cho người gặp và đưa tiền mặt, H4 nhận và chuyển cho H nộp vào tài khoản công ty, đi ủy nhiệm chi hợp thức hóa việc thanh toán tiền mua bán hàng hóa, dịch vụ. Tiền bán hóa đơn H trả tiền mặt cho H4, sau đó Hồng chuyển lại cho N1, H4 được N1 trả công 3.000.000 đồng/01 hóa đơn. Tài liệu điều tra xác định năm 2022, H4 bán cho H 04 hóa đơn của công ty K5 với tổng số tiền ghi trên hóa đơn trước thuế là 9.918.271.784 đồng, H4 được hưởng lợi số tiền 12.000.000 đồng.

- Phạm Thu H mua hóa đơn của Công ty TNHH MTV T9 (Công ty T9), Công ty TNHH X21 (Sau đây gọi tắt là công ty X21). Phạm Thu H và Đinh Thị P, sinh ngày 21/5/1986, địa chỉ F T, phường N, tỉnh Ninh Bình là bạn bè xã hội. Năm 2020, P dùng giấy tờ, thông tin cá nhân của người thân thành lập công ty TNHH X21 và công ty TNHH MTV T9 để mua bán trái phép hóa đơn. Năm 2021, Phạm Thu H liên hệ và hỏi mua hóa đơn của P, được biết giá cả mua bán bằng 4,5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn trước thuế. Khi có nhu cầu mua hóa đơn, H gửi thông tin công ty T9, thông tin cần viết hóa đơn qua telegram cho P, P xuất hóa đơn của công ty X21 và Loan N2 cho đơn vị mua hàng là công ty T9. H lập không hợp đồng kinh tế chuyển cho P ký, đóng dấu công ty, chuyển lại cho H. Tiền bán hóa đơn H trả cho P bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng. Tài liệu điều tra xác định từ năm 2021 đến 2022, Đinh Thị P bán cho Phạm Thu H 09 hóa đơn với tổng số tiền ghi trên hóa đơn trước thuế là 12.834.697.727 đồng, số tiền P bán hóa đơn cho H là 577.500.000 đồng. Ngày 04/4/2025, Đinh Thị P bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H khởi tố về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” trong vụ án hình sự số 02 ngày 04/4/2025 của cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H thụ lý. Hiện P đang bị điều tra đối với hành vi mua bán trái phép hóa đơn liên quan đến 14 công ty, trong đó có công ty T9 và công ty X21.

- Công ty TNHH G (Công ty G). Nguyễn Bùi T1, sinh ngày 20/8/1971, HKTT 6B, 2 tầng, số C, Khu tập thể Đ, phường N, tỉnh Ninh Bình, nơi ở hiện tại ngõ S, phố H, phường N, tỉnh Ninh Bình, là giám đốc công ty G. Năm 2021, Phạm Thu H liên hệ mua hóa đơn của T1 với giá bằng 4,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế để bán cho công ty T9, X, Toàn M với giá 6% hoặc 6,3%. Từ năm 2021 đến năm 2022, T1 bán cho H 08 hóa đơn của công ty G với tổng giá trị hàng hóa, ghi trên hóa đơn trước thuế là 27.826.880.891 đồng. Để được khấu trừ thuế với các hóa đơn bán cho H, T1 liên hệ mua hóa đơn đầu vào cho công ty G của T4 (T1 không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) với giá bằng 4,4% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế, tổng giá trị ghi trên hóa đơn tương ứng số tiền 27.826.000.000 đồng, Tân hưởng lợi là 0,1% giá trị hàng hóa, dịch vụ hóa đơn bán ra cho H số tiền là 27.800.000 đồng.

Để hợp thức hóa nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ và kê khai khấu trừ thuế đối với các hóa đơn đầu vào của công ty K1, L, T, N, N. Thông qua mối quan hệ xã hội, Phạm Thu H đã liên hệ với một số đối tượng để mua hóa đơn đầu vào. Quá trình điều tra xác định hành vi mua hóa đơn đầu vào của Phạm Thu H và Trần Đức H2 như sau:

Năm 2021, khi Phạm Thu H được Nguyễn Thanh T giới thiệu bán hóa đơn cho công ty T9 thì Nguyễn Hoàng D2 - Giám đốc công ty yêu cầu công ty S1 phải có bến bãi để khi có cơ quan thuế làm việc đảm bảo chứng minh công ty có bến bãi, máy móc hoạt động thực tế. Qua mối quan hệ xã hội, H quen và biết Trần Đức H2, sinh năm 1971, địa chỉ số E T, phường N, tỉnh Ninh Bình chuyên buôn bán vật liệu xây dựng, làm san lấp công trình tại thành phố N, biết H2 có bãi vật liệu ở V, tỉnh Nam Định do H có nhiều lần giới thiệu khách hàng mua vật liệu của H2. H liên hệ hỏi muốn nhờ kho bãi của H2 để xuất bán hóa đơn cho khách hàng và hỏi mua hóa đơn đầu vào của H2. Hiều không cung cấp được hóa đơn do không có công ty, H2 nói với H sẽ tìm người bán hóa đơn đầu vào, H và H2 thỏa thuận H trả lợi nhuận từ việc giới thiệu cho H2 bằng 0,05% giá trị ghi trên hóa đơn trước thuế. Quá trình buôn bán vật liệu xây dựng và làm san lấp mặt bằng, H2 quen biết người tên T4 ở thành phố Hà Nội (H2 không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) có bán hóa đơn nên H2 giới thiệu T4 với H, sau đó H liên hệ, kết bạn telegram với T4 để trao đổi mua bán hóa đơn. Quá trình trao đổi H và T4 thỏa thuận giá mua bán hóa đơn bằng 5,5% đến 6% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế.

Khi có nhu cầu mua hóa đơn đầu vào cho công ty K1, N, Thành T2, H gửi thông tin công ty, hàng hóa cần viết hóa đơn cho T4, T4 viết hóa đơn và chụp gửi qua telegram cho H. Hàng tháng, H và T4 tổng hợp đối chiếu công nợ, tiền mua bán hóa đơn. Trúclập không hợp đồng kinh tế, các biên bản kèm theo hợp đồng, kèm theo hóa đơn gửi cho H qua xe khách về địa chỉ thị trấn L (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) hoặc T4 cho người trực tiếp về thành phố N đưa cho H ký, đóng dấu công ty H10. H giữ lại một bản và trả Trúclập một bản. H ký, đóng dấu không ủy nhiệm chi của công ty H và gửi cho T4, bên T4 tự đi ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản công ty của H đến công ty của T4. Tiền mua hóa đơn H trả tiền mặt cho T4, do người của T4 trực tiếp về gặp H để nhận hoặc H gửi cùng tài liệu lên bến xe khách Giáp Bát cho T4. Quá trình mua bán hóa đơn do H và T4 trực tiếp trao đổi, thỏa thuận mua bán, thực hiện. H2 không biết cụ thể, H2 được H trả tiền công môi giới việc mua bán trái phép hóa đơn là 40.100.000 đồng (việc thanh toán bằng tiền mặt). Đối với các công ty còn lại, thông qua mối quan hệ xã hội, H được giới thiệu và biết người đàn ông tên T5 (T5 ở thành phố Hà Nội, H không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ, không lưu giữ thông tin, mọi giao dịch với T5, H đã xóa bỏ) có bán hóa đơn. H mua hóa đơn của T5 với giá thỏa thuận từ 4 % đến 6% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế, giá cụ thể tùy thời điểm. Về cách thức giao dịch giữa T5 và H tương tự như cách thức giao dịch mua bán trái phép hóa đơn giữa H và T4 như nêu trên.

Từ năm 2017 đến năm 2023, H mua 532 hóa đơn đầu vào cho Công ty T7, Công ty K1, Công ty X, Công ty D3, Công ty K2 của hơn 109 công ty với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 1.445.532.571.256 đồng với tổng tiền thuế là 140.329.018.414 đồng. Kết quả điều tra xác định tiền chiếm hưởng của Phạm Thu Hiền T6 việc mua bán trái phép hóa đơn như sau:

- H hưởng lợi số tiền bằng 0,1% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán ra trước thuế năm 2017; hưởng lợi bằng 0,15% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán ra trước thuế các năm 2018, 2019, 2020; hưởng lợi bằng 0,2% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán ra trước thuế các năm 2021, 2022; hưởng lợi bằng 0,3% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán ra trước thuế quý 1/2023; hưởng lợi bằng 0,2% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán ra trước thuế quý 2/2023; hưởng lợi bằng 0,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán ra trước thuế quý 3/2023 và quý 4/2023. Cụ thể như sau:

- Đối với Công ty X: Năm 2017, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 26.988.123.998 đồng, H hưởng lợi số tiền $26.988.123.998 \times 0.1\% = 26.988.124$ đồng. Từ năm 2018 đến năm 2020, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 345.841.833.705 đồng, H hưởng lợi số tiền $345.841.833.705 \times 0.15\% = 518.762.751$ đồng. Năm 2021, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 30.224.282.584 đồng, H hưởng lợi số tiền $30.224.282.584 \times 0.2\% = 60.448.565$ đồng. Tổng cộng, H hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của công ty X là 606.199.440 đồng.

- Đối với Công ty T7: Từ năm 2018 đến năm 2020, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 253.851.908.150 đồng, H hưởng lợi số tiền $253.851.908.150 \times 0.15\% = 380.777.862$ đồng. Năm 2021, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 104.366.833.901 đồng, H hưởng lợi số tiền $104.366.833.901 \times 0.2\% = 208.733.668$ đồng. Tổng cộng, H hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của công ty X là 589.511.530 đồng.

- Đối với Công ty K2: Từ năm 2019 đến năm 2020, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 110.774.646.112 đồng, H hưởng lợi số tiền $110.774.646.112 \times 0.15\% = 166.161.969$ đồng. Từ năm 2021 đến năm 2022, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là: 276.135.115.544 đồng, H hưởng lợi số tiền $276.135.115.544 \times 0.2\% = 552.270.231$ đồng. Tổng cộng, H hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của công ty K2 là 718.432.200 đồng.

- Đối với Công ty K1: Từ năm 2021 đến năm 2022, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 276.135.115.544 đồng, H hưởng lợi số tiền $229.330.219.924 \times 0.2\% = 458.660.440$ đồng. Quý 1/2023, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 14.912.104.595 đồng, H hưởng lợi số tiền $14.912.104.595 \times 0.3\% = 44.736.314$ đồng. Tổng cộng, H hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của công ty K1 là 503.396.754 đồng.

- Đối với Công ty D3: Năm 2022, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 15.210.664.874 đồng, H hưởng lợi số tiền $15.210.664.874 \times 0.2\% = 30.421.330$ đồng. Quý 1/2023, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 9.035.807.811 đồng,

H hưởng lợi số tiền $9.035.807.811 \times 0.3\% = 27.107.423$ đồng. Quý 2/2023, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 34.810.042.418 đồng, H hưởng lợi số tiền $34.810.042.418 \times 0.2\% = 69.620.085$ đồng. Quý 3/2023 đến Quý 4/2023, tổng giá trị hóa đơn bán ra trước thuế là 6.451.270.291 đồng, H hưởng lợi số tiền $6.451.270.291 \times 0.5\% = 32.256.351$ đồng. Tổng cộng, H hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của công ty D3 là 159.405.189 đồng. Tổng cộng H hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn của năm công ty số tiền là 2.576.945.113 đồng.

Hưởng lợi từ việc trung gian mua bán 21 hóa đơn của các công ty K5, Mạnh L1, Loan N2, G với công ty T9, công ty X20, công ty T31 như sau: Hưởng lợi số tiền 148.774.077 đồng từ việc mua 04 hóa đơn của công ty K5 bán cho công ty T9, công ty X20. Hưởng lợi số tiền 247.161.574 đồng từ việc mua 08 hóa đơn của công ty X21 và công ty T9 Nguyễn bán cho công ty T9. Hưởng lợi số tiền 417.402.013 đồng từ việc mua 08 hóa đơn của công ty G1 cho công ty T9, công ty T31, công ty X20. Tổng cộng Phạm Thu H được hưởng lợi số tiền 813.337.664 đồng từ việc trung gian mua bán hóa đơn.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Thu H thu từ việc mua bán hóa đơn là 3.390.282.000 đồng. Trong đó: H trả tiền công môi giới cho Trần Đức H2 số tiền 40.100.000 đồng; trả tiền công môi giới cho Nguyễn Thanh T số tiền 61.800.000 đồng; nộp tiền thuế cho công ty T7 là 448.469.801 đồng, nộp tiền thuế cho công ty X là 425.811.227 đồng, nộp tiền thuế cho công ty K2 là 511.207.208 đồng, nộp tiền thuế cho công ty K1 là 59.879.136 đồng. Số tiền còn lại H được hưởng lợi là 1.843.015.000 đồng, H dùng vào chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra vụ án, Phạm Thu H, Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Phạm Thu H tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000.000 đồng, gồm: 1.843.015.000 đồng tiền chiếm hưởng trái phép từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn và số tiền 156.985.000 đồng. Nguyễn Thanh T tự nguyện giao nộp số tiền 61.800.000 đồng; Trần Đức H2 tự nguyện giao nộp số tiền 40.100.000 đồng chiếm hưởng trái phép từ hành vi môi giới mua bán trái phép hóa đơn. Ngoài ra các đối tượng Vũ Thị Mai H4 tự nguyện giao nộp số tiền 12.000.000 đồng, Nguyễn Bùi Tân N3 số tiền 27.800.000 đồng đây là tiền H4, Tân chiếm hưởng trái phép từ hành vi bán trái phép hóa đơn.

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Phạm Thu H, Nguyễn Thanh T, Trần Đức H2 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn", áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thu H, áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thu H phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" quy định tại điểm d, đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo

Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt :

1.Đối với bị cáo Phạm Thu H: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203, Điều 35, điểm s,r,t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

2. Đối với bị cáo Trần Đức H2: Áp dụng khoản 1 Điều 203, Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng

3. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T: Áp dụng Khoản 1 Điều 203, Điều 35, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 triệu đồng.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với tất cả các bị cáo.

2.2. Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu toàn bộ số tiền các đối tượng và các bị cáo nộp chiếm hưởng trái phép sung ngân sách nhà nước.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Phạm Thu H, Nguyễn Thanh T, Trần Đức H2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về quan điểm của Đại diện VKS, bị cáo tại phần thủ tục tranh tụng: HĐXX thấy việc tranh luận, đối đáp đúng trình tự quy định của pháp luật, các bên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tranh tụng. Quan điểm tranh tụng của các bên đã được HĐXX cân nhắc, đánh giá khi nghị án. Quan điểm của Đại diện VKS, về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi

phạm tội, nhân thân của bị cáo phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên toà và tại Cơ quan CSĐT, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án - HĐXX thấy đã có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng từ năm 2017 đến năm 2023, Phạm Thu H đăng ký thành lập 05 công ty T7, T, N, Bảo K, L. Sau khi thành lập công ty, H mua trái phép 532 hóa đơn đầu vào với giá trị hàng hóa dịch vụ trước thuế là 1.445.532.571.256 đồng, bán trái phép 738 hóa đơn với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trước thuế là 1.457.932.853.907 đồng; qua trung gian mua bán 21 hóa đơn giữa các Công ty K5, Mạnh L1, Loan N2, G với Công ty T9, Công ty X20, Công ty T31. Tổng cộng, H mua bán trái phép 1291 hóa đơn, được hưởng lợi số tiền là 1.843.015.000 đồng

Năm 2021, Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T có hành vi môi giới cho Phạm Thu H mua bán trái phép hóa đơn với các công ty T9, công ty X20, công ty T31. H2 được H trả công số tiền 40.100.000 đồng, T được H trả công số tiền 61.800.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, làm thất thu ngân sách của Nhà nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Do đó cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe và góp phần phòng ngừa chung.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Thu H, Nguyễn Thanh T, Trần Đức H2 đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; đối với Phạm Thu H thuộc trường hợp “hoá đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên”, “thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên” tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự. Hành vi của Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T thuộc trường hợp “Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Do vậy việc VKSND tỉnh Ninh Bình truy tố Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Phạm Thu H, Nguyễn Thanh T, Trần Đức H2 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thu H, áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Thu H, Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Thu H tự thú về hành vi phạm tội, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chiếm hưởng trái phép từ việc hưởng lợi mua bán hóa đơn là 1.843.015.000 đồng; hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Đức H2 đầu thú về hành vi phạm tội, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 41.100.000 đồng chiếm hưởng từ hành vi môi giới mua bán trái phép hóa đơn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh T quá trình điều tra thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 61.800.000 đồng chiếm hưởng từ hành vi môi giới mua bán trái phép hóa đơn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt HĐXX thấy cần cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để vừa thể hiện tính nhân đạo, công bằng của pháp luật, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo.

[4] Về hình phạt: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo đã gây ra - HĐXX thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[5] Do các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền thu giữ của Phạm Thu H, Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T, Vũ Thị Mai H4, Nguyễn Bùi T1 được chuyển từ tài khoản tại kho bạc của Công an tỉnh N đến tài khoản tại Kho Bạc của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Ngoài ra quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận:

Đối với Đinh Thị P đã bán cho Phạm Thu H 09 hóa đơn GTGT của công ty X21 và công ty T9. Ngày 04/4/2025, Đinh Thị P bị

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H khởi tố về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" trong vụ án hình sự số 02 ngày 04/4/2025 của cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H đang thụ lý điều tra đối với 14 công ty do P thành lập mua bán trái phép hóa đơn, trong đó có công ty T9 và công ty X21. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không xem xét xử lý đối với Đinh Thị P.

Đối với Nguyễn Hoàng D2 và Vũ Thị Kim L: Nguyễn Hoàng D2 là giám đốc các công ty T9, Toàn M, X, đã chỉ đạo Vũ Thị Kim L là kế toán mua trái phép 75 hóa đơn GTGT của Phạm Thị H7 cho 03 công ty. Hiện Nguyễn Hoàng D2 và Vũ Thị Kim L đang là bị can trong vụ án "Vi phạm quy định về kế toán

gây hậu quả nghiêm trọng" và "Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng", do cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C8 điều tra xử lý liên quan đến vi phạm của 03 công ty trên. Do vậy, cơ quan An ninh điều tra đã chuyển tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng D2, Vũ Thị Kim L đến cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C8 để điều tra, xử lý.

Đối với Nguyễn Bùi Tân B trái phép cho Phạm Thu H 08 hóa đơn GTGT của công ty G hưởng lợi số tiền là 27.800.000 đồng. Vũ Thị Mai H4 bán trái phép cho Phạm Thu H 04 hóa đơn GTGT của công ty K5 hưởng lợi số tiền là 12.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Bùi T1 và Vũ Thị Mai H4 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015. Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh N kiến nghị Cục thuế tỉnh N xử phạt hành chính đối với Nguyễn Bùi T1, Vũ Thị Mai H4.

Đối với đối tượng T5 và đối tượng T4 có hành vi bán trái phép hóa đơn

GTGT cho Phạm Thu H. Hành vi của T5 và T4 có dấu hiệu phạm vào tội "Mua bán trái phép hóa đơn", quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh, tuy nhiên không xác định được nhân thân, lai lịch đối tượng T5 và đối tượng T4, do đó không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với Trần Thị H5, sinh năm 1960, trú tại Đội 1, xã Q, tỉnh Ninh Bình đứng tên giám đốc Công ty TNHH X; Phạm Thị V, sinh năm 1973, trú tại xóm C xã H, tỉnh Ninh Bình đứng tên giám đốc công ty K1;

Đối Thị H6, sinh năm 1970, trú tại Đội 3, thôn Đ, xã Đ, tỉnh Ninh Bình đứng tên giám đốc công ty T7; Nguyễn Thành T2, sinh năm 1973, trú tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình đứng tên giám đốc công ty K2;

Nguyễn Quý D, sinh năm 1997, trú tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình đứng tên giám đốc công ty D3, không biết việc Phạm Thu H lấy thông tin của mình để thành lập công ty, không biết việc làm vi phạm pháp luật của H nên không có căn cứ xử lý:

Đối với 109 công ty đầu vào Phạm Thu H mua hóa đơn của T4 và T5, quá trình điều tra xác định các Công ty trên đều không có biển hiệu, không hoạt động sản xuất kinh doanh tại nơi đăng ký trụ sở, các công ty đều ở trạng thái người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, đến nay không xác minh được người đại diện của các công ty trên nên Cơ quan an ninh điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với 21 công ty gồm: Công ty Cổ phần D4, mã số thuế 0105598676; Công ty TNHH H9, mã số thuế 5400206759; Công ty TNHH Đông Hoa HB, mã số thuế 5400378013; Công ty TNHH MTT9. T9, mã số thuế 5400475494; Công ty Cổ phần C4, mã số thuế 0104790948; Công ty TNHH X1, mã số thuế 0601156442; Công ty TNHH X2, mã số thuế 5400359995; Công ty TNHH X3, mã số thuế 5400346851; Công ty TNHH T10, mã số thuế 5400477269; Công ty Cổ phần Đ3, mã số thuế 0600716691; Công ty TNHH X4, mã số thuế

0103720169; Công ty TNHH X5, mã số thuế 5400475504; Công ty TNHH X6, mã số thuế 5400205593; Công ty Cổ phần Đ4, mã số thuế 5400354267; Công ty TNHH T11, mã số thuế 0600337171; Công ty Cổ phần X7, mã số thuế 0109078928; Công ty TNHH MTV T9, mã số thuế 2700450424; Công ty TNHH MTV T9, mã số thuế 2700450424-001; Công ty TNHH S1, mã số thuế 2700348854; Công ty Cổ phần D4, mã số thuế 0600583314; Doanh nghiệp tư nhân T12, mã số thuế 2700376202. Tài liệu điều tra xác định các công ty mua hàng hóa, dịch vụ qua mạng hoặc qua người giới thiệu là đại diện 05 công ty của H và được cung cấp hàng hóa kèm theo hóa đơn. Giao khoán phần việc cho các tổ đội thi công, sau khi hoàn thành thì tổ đội đó cung cấp hóa đơn chứng từ đầy đủ để thanh toán. Thời điểm phát sinh giao dịch, các cá nhân, đơn vị kiểm tra trạng thái hoạt động của Công ty xuất hóa đơn trên Cổng thông tin điện tử của ngành Thuế thì thấy Công ty vẫn đang ở trạng thái hoạt động bình thường. Các cá nhân, đơn vị đều khẳng định việc ký hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ có thật trên thực tế, không mua bán hóa đơn. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với 21 cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp này.

Đối với 80 công ty gồm: Công ty TNHH Đ5, mã số thuế 0500415394; Công ty TNHH T32, mã số thuế 0104955131; Công ty Cổ phần T9, mã số thuế 0600008000; Công ty Cổ phần T13, mã số thuế 0600334660; Công ty Cổ phần P1, mã số thuế 0600828966; Công ty TNHH X8, mã số thuế 0601182185; Công ty TNHH MTV T9, mã số thuế 0601176368; Công ty TNHH T14, mã số thuế 5400367160; Công ty Cổ phần T15, mã số thuế 0108230256; Công ty Cổ phần T16, mã số thuế 0101334979; Công ty Cổ phần C5; Công ty Cổ phần C6, mã số thuế 0107241329; Công ty Cổ phần X9, mã số thuế 0109628226; Công ty Cổ phần N5, mã số thuế 0105858081; Công ty Cổ phần Đ6, mã số thuế 0100105422; Công ty TNHH T17, mã số thuế 0107079098; Liên đoàn địa chất và khoáng sản B1, mã số thuế 0100774462 - 001; Công ty TNHH Đ7, mã số thuế 0102776426; Công ty Cổ phần Đ8, mã số thuế 0108153379; Công ty Cổ phần Đ9, mã số thuế 0102662098; Công ty Cổ phần T18, mã số thuế 0108620312; Công ty TNHH T19, mã số thuế 0103743737; Công ty Cổ phần Đ10, mã số thuế 0104386164; Viện nền móng và công trình ngầm, mã số thuế: 0108383855; công ty TNHH T20, mã số thuế 0106223172; Công ty Cổ phần Đ11, mã số thuế 0601035825; Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị thành phố G, mã số thuế 2700135623; Công ty TNHH X10, mã số thuế 2700894589; Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển Đ16, mã số thuế 0600979676; Công ty TNHH T21, mã số thuế 0106677514; Công ty TNHH T22, mã số thuế 0107266330; Công ty TNHH X12, mã số thuế 2700555025; Công ty TNHH X13, mã số thuế 0600082371; Công ty TNHH X3, mã số thuế 0108390644; Công ty TNHH MTV T9, mã số thuế 0601039178; Công ty Cổ phần K7 ở Nam Định, mã số thuế 0600008233; Doanh nghiệp tư nhân T23, mã số thuế 0601073193; Công ty Cổ phần L2, mã số thuế 0601067979; Công ty Cổ phần D4, mã số thuế 0600801530; Bảo hiểm hàng không N4, mã số thuế 0102737963-044; Công ty Cổ phần B2, mã số thuế 0600411298; Công ty TNHH S2, mã số thuế 0108071824; Công ty Cổ phần A; Công ty Cổ phần C7;

Công ty Cổ phần X9; Công ty Cổ phần Kiềm Dân; Công ty Cổ phần K4; Công ty Cổ phần G; Công ty Cổ phần S4; Công ty Cổ phần T24, Công ty Cổ phần T25; Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp N6; Công ty Cổ phần T26; Công ty Cổ phần Đ6; Công ty Cổ phần X14; Công ty Cổ phần X11; Công ty Cổ phần X15; Công ty Cổ phần X3; Công ty X16; Công ty TNHH Đ12; Công ty TNHH Đ13; Công ty TNHH Đ14; Công ty TNHH Đ15; Công ty TNHH X9; Công ty TNHH MTV T9; Công ty TNHH MTV T9; Công ty TNHH G; Công ty TNHH P2; Công ty TNHH T27; Công ty TNHH T28; Công ty TNHH T29; Công ty TNHH T30; Công ty TNHH X13; Công ty TNHH X17; Công ty TNHH X18; Công ty TNHH X4; Công ty TNHH X19; Công ty TNHH X9; DNTN Nguyễn Văn T3; Cơ quan điều tra đang tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh đối để làm rõ hành vi của những người liên quan. Do đã hết thời hạn điều tra nên cơ quan điều tra tách hành vi và tài liệu của 80 công ty trên để tiếp tục điều tra, xác minh, xử theo quy định của pháp luật.

[] Về án phí: Các bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thu H, Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; các điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thu H.

Xử phạt Bị cáo Phạm Thu H: Hình phạt chính bằng tiền, mức phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thu H là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đức H2.

Xử phạt Bị cáo Trần Đức H2: Hình phạt chính bằng tiền, mức phạt tiền đối với bị cáo Trần Đức H2 là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Thanh T Hình phạt chính bằng tiền, mức phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thanh T là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

3. Biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

- Buộc bị cáo Phạm Thu H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.843.015.000 (một tỷ tám trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười lăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Thu H đã nộp đủ số tiền 1.843.015.000 (một tỷ tám trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười lăm nghìn đồng). Tiếp tục quản lý số tiền 156.985.000 đồng bị cáo

Phạm Thu H đã nộp đang ở tài khoản số 3949.0.9044007.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước khu vực V theo Ủy nhiệm chi số 577 ngày 10/12/2025) để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Trần Đức H2 phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính từ việc Mua bán trái phép hóa đơn là 41.100.000 đồng để tịch thu sung ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền này. (số tiền 41.100.000 đồng hiện đang ở tài khoản số 3949.0.9044007.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước khu vực V theo Ủy nhiệm chi số 577 ngày 10/12/2025)

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính từ việc Mua bán trái phép hóa đơn là 61.800.000 đồng để tịch thu sung ngân sách nhà nước. Ghi nhận của bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền này. (số tiền 61.800.000 đồng hiện đang ở tài khoản số 3949.0.9044007.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước khu vực V theo Ủy nhiệm chi số 577 ngày 10/12/2025).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền 12.000.000 đồng của chị Vũ Thị Mai H4 (số tiền 12.000.000 đồng hiện đang ở tài khoản số 3949.0.9044007.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước khu vực V theo Ủy nhiệm chi số 577 ngày 10/12/2025).

- Tịch thu ngân sách nhà nước đối với số tiền 27.800.000 đồng của anh Nguyễn Bùi T1 (số tiền 27.800.000 đồng hiện đang ở tài khoản số 3949.0.9044007.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước khu vực V theo Ủy nhiệm chi số 577 ngày 10/12/2025).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phạm Thu H, Trần Đức H2, Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về Q1 kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC (01 bản);
 - VKSNDTC (Viện CT và XXHS) (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng KTTT và thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (02 bản);
 - Người có QLNVLQĐVA (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa & Tổ hành chính tư pháp (01 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thái Hà

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Thanh tra, kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Người có QLNVLQĐVA (01 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa & Tổ hành chính tư pháp (01 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thảo

